

MỤC LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét

Thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo soát xét độc lập	1
2. Bảng cân đối kế toán ngày 30/9/2009	2 - 3
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009	4
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009	5
5. Thuyết minh báo cáo tài chính	6 - 18



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2009

Số: ~~132~~BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Gỗ Đàng tại ngày 30/9/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009, từ trang 02 đến trang 18 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên**Nguyễn Lương Nhân**

Chứng chỉ KTV Số: 0182/KTV

Giám đốc**Nguyễn Văn Tuyên**

Chứng chỉ KTV Số: Đ.0111/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		197,105,696,295	184,862,891,385
<i>I. Tiền</i>	110	V.01	14,834,484,702	5,143,947,198
1. Tiền	111		10,434,484,702	5,143,947,198
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,400,000,000	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.02	85,347,433,470	68,409,813,846
1. Phải thu khách hàng	131		71,196,852,998	57,056,378,204
2. Trả trước cho người bán	132		6,082,067,040	2,193,395,625
3. Các khoản phải thu khác	138		8,068,513,432	9,160,040,017
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		91,463,605,912	106,051,369,594
1. Hàng tồn kho	141	V.03	91,463,605,912	106,051,369,594
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		5,460,172,212	5,257,760,747
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	1,544,987,205	1,550,113,629
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,610,067,817	3,075,010,026
3. Các khoản thuế phải thu	152	V.05	4,180,516	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	1,300,936,675	632,637,092
B. Tài sản dài hạn	200		99,051,596,957	102,221,799,552
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		96,978,497,375	99,762,966,230
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	83,297,800,122	85,444,877,244
- Nguyên giá	222		106,586,798,754	101,592,277,172
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23,288,998,632)	(16,147,399,928)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.08	8,452,665,020	8,591,323,534
- Nguyên giá	228		8,633,550,910	8,633,550,910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(180,885,890)	(42,227,376)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	5,228,032,233	5,726,765,452
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		1,548,708,255	1,876,176,291
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1,548,708,255	1,876,176,291
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	269	V.11	524,391,327	582,657,031
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		296,157,293,252	287,084,690,937

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		169,890,635,501	171,722,740,482
I. Nợ ngắn hạn	310		154,501,635,501	147,720,447,123
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	107,403,580,609	79,906,678,166
2. Phải trả cho người bán	312	V.13	38,612,620,087	58,785,638,649
3. Người mua trả tiền trước	313		1,574,199,358	395,559,594
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.14	387,911,135	67,097,459
5. Phải trả công nhân viên	315		2,668,251,267	3,320,036,309
6. Chi phí phải trả	316	V.15	194,650,837	1,168,593,443
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	3,660,422,208	4,076,843,503
II. Nợ dài hạn	320		15,389,000,000	24,002,293,359
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.17	15,389,000,000	24,002,293,359
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.18	126,266,657,751	115,361,950,454
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		125,722,170,116	115,062,482,877
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31,306,550,000	31,287,710,000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	(200,900,000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3,616,734,255	2,756,137,107
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10,798,885,861	1,219,535,770
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		544,487,635	299,467,577
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		544,487,635	299,467,577
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		296,157,293,252	287,084,690,937

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gởi NH - USD	230,488.41	11,434.04
Ngoại tệ tiền mặt và tiền gởi NH - EUR	4,070.29	7,378.18
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

THÁI THỊ KHÁNH VÂN
Kế toán trưởng
Ngày 26 tháng 10 năm 2009



NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

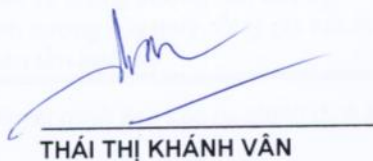
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/09 đến ngày 30/9/09	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng	01		358,554,927,926	572,776,500,098
2. Các khoản giảm trừ	03		3,193,005,077	4,474,225,093
3. Doanh thu thuần	10	VI.01	355,361,922,849	568,302,275,005
4. Giá vốn hàng bán	11		298,539,844,573	480,080,205,188
5. Lợi nhuận gộp	20		56,822,078,276	88,222,069,816
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.02	2,932,789,818	2,026,626,957
7. Chi phí tài chính	22	VI.03	4,960,923,714	10,929,966,030
- Trong đó: lãi vay	23		3,750,968,147	10,929,966,030
8. Chi phí bán hàng	24		36,842,778,702	52,722,022,455
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8,486,924,822	12,383,392,116
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		9,464,240,856	14,213,316,172
11. Thu nhập khác	31	VI.04	1,432,044,659	4,970,341,008
12. Chi phí khác	32	VI.05	112,099,417	1,913,023,214
13. Lợi nhuận khác	40		1,319,945,242	3,057,317,794
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		10,784,186,098	17,270,633,966
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		-	58,691,032
17. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59		10,784,186,098	17,211,942,934
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		10,784,186,098	17,211,942,934
21. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	IV.06	1,348	2,157

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 26 tháng 10 năm 2009



NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Kỳ này	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	10,784,186,098	17,270,633,966
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	7,280,257,218	7,644,263,968
Các khoản dự phòng	03	-	(1,912,348,759)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	-	(82,537,208)
Chi phí lãi vay	06	3,750,968,147	10,929,966,030
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	21,815,411,463	33,849,977,997
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(17,145,157,513)	6,679,219,837
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	14,587,763,682	(45,122,431,849)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(20,715,714,065)	34,017,714,370
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	332,594,460	436,154,463
Tiền lãi vay đã trả	13	(3,750,968,147)	(11,215,918,938)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(59,550,122)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(99,218,801)	(168,061,700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4,975,288,921)	18,417,104,058
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4,495,788,363)	(52,708,837,583)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	1,771,343,022
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	58,265,704	212,142,113
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4,437,522,659)	(50,725,352,448)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	219,740,000	110,900,000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	(200,900,000)
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33	363,977,471,385	396,836,933,871
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(345,093,862,301)	(354,445,771,210)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	-	(10,276,626,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19,103,349,084	32,024,536,061
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	9,690,537,504	(283,712,329)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,143,947,198	5,427,659,527
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	14,834,484,702	5,143,947,198

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 26 tháng 10 năm 2009



NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Thông tin doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gò Đàng (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000064 ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 80.000.000.000 đồng.

2 Chức năng kinh doanh

Nhóm Công ty, thông qua Công ty mẹ và các công ty con, có hoạt động chính là thu mua thủy sản; chế biến thủy sản; nuôi trồng thủy sản; dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; đầu tư tài chính; mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản.

3 Địa chỉ

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4 Các công ty con

Công ty có 03 (ba) công ty con, được hợp nhất trong báo cáo tài chính.

5 Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	% Tỷ lệ lợi ích	% Quyền biểu quyết
Công ty TNHH TM Gò Đàng	Số 202/33 đường Cô Bắc, quận 1, TP.HCM	Thu mua hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH XNK An Phát	Lô 25, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Chế biến hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	Lô 45, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Thu mua hàng thủy sản	100	100

Công ty cổ phần Gò Đàng đầu tư trực tiếp 99% và gián tiếp 1% vào các Công ty con.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1 Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gỗ Đàng và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

2 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi.

3 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tại ngày 30/9/2009, Công ty áp dụng tỷ giá 17.841 VND/USD và 26.939 VND/EUR do Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 8 Tp. HCM công bố để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được kết chuyển vào chi phí quản lý trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Dự phòng hàng hoá tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm hàng hoá tồn kho có thể xảy ra dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, nhà kho, vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	3 - 6 năm

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7 Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích dựa trên thời hạn được ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8 Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm còn lại.

9 Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11 Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn sở hữu được Công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

12 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14 Các quỹ của Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính được lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm đầu tư mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho công nhân viên.

15 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

16 Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

Mức thuế suất áp dụng cho các Công ty con là 25%.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm cổ phiếu được mua bởi Nhóm Công ty mà đang được giữ như là cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, loại trừ các cổ phiếu phổ thông được Nhóm Công ty mua lại là cổ phiếu ngân quỹ cộng số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu sẽ được phát hành cho việc chuyển đổi tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

18 Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các chính sách tài chính và hoạt động của bên kia. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

19 Tài sản cầm cố thế chấp

Tài sản cầm cố thế chấp được xem là một khoản đảm bảo khi được ghi nhận trong hợp đồng vay. Bất kỳ một sự hạn chế sử dụng nào cũng được thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

20 Tài khoản ngoài bảng

Giá trị được ghi nhận trong tài khoản ngoài bảng theo hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/9/2009	01/01/2009
Tiền mặt	4,161,497,719	2,631,714,762
Tiền gửi ngân hàng	6,272,986,984	2,131,083,833
Các khoản tương đương tiền	(1.1) 4,400,000,000	-
Tiền đang chuyển	-	381,148,603
Cộng	14,834,484,702	5,143,947,198

(1.1) Các khoản tiết kiệm có kỳ hạn nhỏ hơn 03 tháng, bao gồm:

	30/9/2009
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Cộng Hòa	2,800,000,000
Ngân hàng Công Thương VN - CN Tiền Giang	1,600,000,000
Cộng	4,400,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

2. Các khoản phải thu ngắn hạn	30/9/2009	01/01/2009
Phải thu khách hàng trong nước	3,560,756,984	8,699,672,994
Phải thu khách hàng nước ngoài (2.1)	67,636,096,014	48,356,705,210
Trả trước người bán	6,082,067,040	2,193,395,625
Phải thu khác	8,068,513,432	9,160,040,017
Cộng	<u>85,347,433,470</u>	<u>68,409,813,846</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	<u>85,347,433,470</u>	<u>68,409,813,846</u>

(2.1) Số dư các khoản phải thu của nước ngoài tại ngày 30/9/2009 là 3,649,936.90 USD và 93,452.70 EUR tương đương 67.636.096.014 đồng.

3. Hàng tồn kho	30/9/2009	01/01/2009
Nguyên vật liệu	1,608,554,773	4,962,442,267
Công cụ, dụng cụ trong kho	3,874,413,256	4,625,936,043
Chi phí sản xuất dở dang	30,282,291,793	18,076,680,865
Thành phẩm tồn kho	47,677,106,458	73,697,273,673
Hàng hóa tồn kho	2,927,466,631	4,689,036,746
Hàng gửi đi bán	5,093,773,001	-
Cộng	<u>91,463,605,912</u>	<u>106,051,369,594</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	<u>91,463,605,912</u>	<u>106,051,369,594</u>

4. Chi phí trả trước ngắn hạn	30/9/2009	01/01/2009
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1,419,352,023	1,550,113,629
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	125,635,182	-
Cộng	<u>1,544,987,205</u>	<u>1,550,113,629</u>

Chi phí trả trước ngắn hạn là công cụ dụng cụ kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích dưới 01 năm.

5. Các khoản thuế phải thu	30/9/2009	01/01/2009
Thuế TNDN nộp dư	<u>4,180,516</u>	-

6. Tài sản ngắn hạn khác	30/9/2009	01/01/2009
Tạm ứng nhân viên	1,178,033,084	30,637,092
Ký quỹ ngắn hạn	95,450,400	602,000,000
Tài sản thiếu chờ xử lý	27,453,191	-
Cộng	<u>1,300,936,675</u>	<u>632,637,092</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	68,717,944,150	28,081,823,885	4,245,767,212	546,741,925	101,592,277,172
Tăng	1,999,744,144	2,938,735,133	-	56,042,305	4,994,521,582
Giảm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	70,717,688,294	31,020,559,018	4,245,767,212	602,784,230	106,586,798,754
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	6,830,351,259	8,266,447,567	905,335,573	145,265,529	16,147,399,928
Tăng	2,987,062,016	3,603,659,648	500,887,448	49,989,593	7,141,598,705
Giảm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9,817,413,275	11,870,107,215	1,406,223,021	195,255,122	23,288,998,632
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	61,887,592,891	19,815,376,318	3,340,431,639	401,476,396	85,444,877,244
Số dư cuối kỳ	60,900,275,019	19,150,451,803	2,839,544,191	407,529,109	83,297,800,122

Tài sản tại Công ty con, Công ty TNHH XNK TS An Phát, có giá trị 69.829.455.289 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) được thuyết minh tại mục V.17.

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền SD đất/nhà trọ nhân viên	Quyền SD đất/vùng nuôi cá	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1,759,189,960	6,825,466,910	48,894,040	8,633,550,910
Tăng	-	-	-	-
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,759,189,960	6,825,466,910	48,894,040	8,633,550,910
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	-	42,227,376	42,227,376
Tăng	-	134,908,515	3,749,999	138,658,514
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	134,908,515	45,977,375	180,885,890
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	1,759,189,960	6,825,466,910	6,666,664	8,591,323,534
Số dư cuối kỳ	1,759,189,960	6,690,558,395	2,916,665	8,452,665,020

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/9/2009	01/01/2009
Công trình xây dựng nhà trọ nhân viên	-	1,780,104,591
Công trình xây dựng nhà máy tại Công ty TNHH An Phát	121,909,090	60,000,000
Công trình khu nuôi cá	2,897,751,789	2,381,752,208
Các công trình khác	2,208,371,354	1,504,908,653
Cộng	5,228,032,233	5,726,765,452

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Chi phí trả trước dài hạn	30/9/2009	01/01/2009
Tiền thuê đất	811,948,872	898,273,913
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	178,343,347	133,865,911
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	558,416,036	703,220,011
Chi phí trước hoạt động	-	140,816,456
Cộng	1,548,708,255	1,876,176,291

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích hơn 01 năm.

11. Lợi thế thương mại	30/9/2009	01/01/2009
Lợi thế thương mại	524,391,327	582,657,031

Giá trị lợi thế thương mại được kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 10 năm kể từ năm 2009.

12. Vay và nợ ngắn hạn	30/9/2009	01/01/2009
Vay ngắn hạn	102,483,580,609	79,906,678,166
Nợ dài hạn đến hạn trả	(17*) 4,920,000,000	
Cộng	107,403,580,609	79,906,678,166

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: ngàn đồng

		Số dư vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư vay cuối kỳ
NH Sài Gòn Thương Tín	12.1	-	10,249,000	9,360,000	889,000
NH TMCP Xuất Nhập khẩu VN	12.2	-	15,340,861	2,719,343	12,621,518
NH TMCP Liên Việt	12.3	-	24,598,901	1,202,657	23,396,244
NH Ngoại Thương VN	12.4	-	10,000,000	-	10,000,000
NH Công Thương VN - CN 8	12.5	62,876,304	283,479,708	305,966,491	40,389,522
Vay cá nhân khác	12.6	17,030,375	-	1,843,078	15,187,297
Cộng		79,906,679	343,668,471	321,091,569	102,483,581

12.1 Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu từ **Ngân hàng Sài Gòn Thương tín (Sacombank) - CN Tân Bình**. Số dư nợ vay tại ngày 30/9/2009 là 889.000.000 đồng.

12.2 Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu từ **Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - CN Hòa Bình**; Số dư nợ vay tại ngày 30/9/2009 là 707,444.50 USD tương đương 12.621.517.325 đồng.

12.3 Vay từ **Ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) - CN TP.HCM**, bao gồm:

+ Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu; số dư tại ngày 30/9/2009 bao gồm 34,976.00 USD và 41,013.00 EUR tương đương 1.728.856.023 đồng.

+ Vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 378-09/HĐTD-HCM ngày 08/9/2009; hạn mức vay: 50 tỷ đồng; mục đích vay: Tái tài trợ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN8 và bổ sung vốn lưu động; lãi suất được ghi trên từng khế ước nhận nợ (0,875%/tháng). Số dư tại ngày 30/9/2009 là 21.667.388.659 đồng. **Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:**

12. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

- Quyền sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Giồng Rơm, tỉnh Bến Tre; quyền thuê đất cùng với nhà xưởng lại Lô 45 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, TP Mỹ Tho và máy móc thiết bị kho lạnh với tổng giá trị theo định giá của ngân hàng là 16, 17 tỷ đồng.
- Một phần giá trị tài sản là nhà xưởng thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH XNK TS An Phát với tổng giá trị là 21,9 tỷ đồng.
- Tài sản thế chấp bổ sung: Hàng hóa tồn kho thành phẩm trong quá trình luân chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Gò Đàng là: cá tra fillet thành phẩm; nghêu, sò lông, tôm, mực thành phẩm (Lienvietbank sẽ tiến hành định giá tại thời điểm nhận tài sản thế chấp).

12.4 Vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Tiền Giang theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/CV/0063/TD2/09LD ngày 13/7/2009; hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng; lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ (6,5%/năm). Số dư nợ vay tại ngày 30/9/2009 là 10 tỷ đồng.

12.5 Vay từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN 8 TP.HCM, bao gồm:
+ Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu. Số dư tại ngày 30/9/2009 là 1,839,809.00 USD và 35,802.00 EUR tương đương 33.789.521.543 đồng.
+ Vay theo hợp đồng tín dụng số 0005/2009/HDHM ngày 09/3/2009; mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh; lãi suất là 10.5%/năm; số dư tại ngày 30/9/2009 là 6.600.000.000 đồng. Khoản vay nay được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ 3 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0091/HĐTC ngày 18/5/2008 và 0092/HĐTC ngày 18/5/2009 giữa Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN 8 TP. HCM (bên nhận thế chấp) và Ông Lê Sơn Tùng, cùng Bà Lê Thị Liêm (bên thế chấp hợp đồng 0091); Ông Nguyễn Văn Đạo, cùng Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc (bên thế chấp hợp đồng 0092).

12.6 Các khoản vay cá nhân khác bao gồm:

Vay của Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Cổ đông sáng lập Công ty	14,737,297,180
Vay của Ông Lê Sơn Tùng - Phó Tổng Giám đốc Công ty	450,000,000
Cộng	15,187,297,180

Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và không tính lãi suất.

13. Phải trả người bán	30/9/2009	01/01/2009
Phải trả người bán - Nguyên vật liệu	33,645,444,642	50,342,371,989
Phải trả người bán - Máy móc thiết bị, xây dựng	3,823,254,998	4,782,731,433
Phải trả người bán - khác	1,143,920,447	3,660,535,227
Cộng	38,612,620,087	58,785,638,649
14. Thuế và các khoản phải nộp	30/9/2009	01/01/2009
Thuế TNDN phải nộp	-	9,754,537
Thuế GTGT	387,911,135	57,342,922
Cộng	387,911,135	67,097,459

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

15. Chi phí phải trả	30/9/2009	01/01/2009
Chi phí thuê đất, mặt bằng, nhà xưởng	6,600,570	204,832,280
Chi phí thuê tủ đông	58,518,100	361,664,600
Chi phí phải trả khác	129,532,167	602,096,563
Cộng	194,650,837	1,168,593,443

16. Phải trả khác	30/9/2009	01/01/2009
Tiền nhận cọc mua phế phẩm, phế liệu, thuê nhà xưởng	3,258,500,000	3,758,000,000
Các khoản phải trả khác	401,922,208	318,843,503
Cộng	3,660,422,208	4,076,843,503

17. Vay và nợ dài hạn	30/9/2009	01/01/2009
Vay dài hạn	15,389,000,000	24,002,293,359
Cộng	15,389,000,000	24,002,293,359
Trừ các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(4,920,000,000)	-
Tổng cộng	20,309,000,000	24,002,293,359

Chi tiết các khoản vay ngân hàng

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Số dư vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư vay cuối kỳ
Ngân hàng Công Thương	24,002,293	-	24,002,293	-
Ngân hàng Liên Việt	-	20,309,000	-	20,309,000
Cộng	24,002,293	20,309,000	24,002,293	20,309,000

Vay từ ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) - CN TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 377-09/HĐTD-HCM ngày 09/9/2009; hạn mức tín dụng: 20,309 tỷ; thời hạn vay: 04 năm; mục đích vay: Tái tài trợ khoản vay trung hạn xây kho lạnh cho thuê và khoản vay dài hạn xây dựng nhà xưởng sản xuất theo HĐTD số 07.0061/HĐDH ngày 05/4/2007 và HĐTD số 07.0150/HĐTH ngày 12/11/2007 ký giữa Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát và Ngân hàng Công thương Chi nhánh 8; lãi suất: 10,5%/năm. **Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:**

- Nhà xưởng chế biến thủy sản của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát tại lô 25 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 828152828500002 do UBND tỉnh Tiền Giang cấp ngày 08/04/2009. Giá trị tài sản đảm bảo là 21,9 tỷ đồng, chi tiết theo các biên bản định giá ngày 25/7/2009.

- Kho lạnh 3.000 tấn, hệ thống thiết bị lạnh của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát. Giá trị tài sản đảm bảo máy móc thiết bị chế biến thủy sản là 29,340 tỷ đồng, chi tiết theo biên bản định giá tài sản ngày 25/7/2009.

(*) Khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) - CN TP.HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Vốn chủ sở hữu

a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	73,340,190	31,277,710	-	-	-	-	4,066,796	108,684,696
Tăng vốn trong năm trước	6,659,810	10,000	-	-	-	-	-	6,669,810
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	17,211,943	17,211,943
Tăng khác	-	-	-	2,756,137	-	465,913	-	3,222,050
Giảm vốn trong năm	-	-	(200,900)	-	-	-	-	(200,900)
Lỗ trong năm tr	-	-	-	-	-	(166,446)	(20,059,203)	(20,225,649)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm trước, số dư đầu kỳ này	80,000,000	31,287,710	(200,900)	2,756,137	-	299,467	1,219,536	115,361,950
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	291,900	-	-	-	-	291,900
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	18,840	-	860,597	-	344,239	-	1,223,676
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	(91,000)	-	-	-	10,784,186	10,693,186
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(99,219)	(1,204,836)	(1,304,055)
Số dư cuối kỳ này	80,000,000	31,306,550	-	3,616,734	-	544,487	10,798,886	126,266,657

Toàn bộ cổ phiếu quỹ đã được bán, chi tiết như sau:

	Đơn giá	Số lượng	Kỳ này
Cổ phiếu quỹ đầu kỳ	19,911	10,090	200,900,000
Cổ phiếu quỹ trong kỳ	16,706	5,447	91,000,000
Cổ phiếu quỹ đã bán trong kỳ	20,000	15,537	310,740,000
Thặng dư vốn cổ phần			18,840,000

b - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	111,086,810,000	104,617,900,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	310,740,000	6,669,810,000
- Vốn góp giảm trong kỳ	91,000,000	200,900,000
- Vốn góp cuối kỳ	111,306,550,000	111,086,810,000
Phân phối cổ tức, lợi nhuận	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

c - Cổ phiếu	30/9/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	8,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	10,090
- Cổ phiếu phổ thông	-	10,090
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,000,000	7,989,910
- Cổ phiếu phổ thông	8,000,000	7,989,910
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

d - Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

	Kỳ này	Năm trước
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	860,597,147	2,756,137,000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	344,238,858	465,913,000
Chia cổ tức cho cổ đông	-	16,835,537,000
Bù đắp các khoản chi khác	-	1,616,000
Cộng	1,204,836,005	20,059,203,000

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu	Kỳ này	Năm trước
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	336,964,199,733	496,313,085,949
Doanh thu bán hàng - Trong nước	15,605,280,692	62,758,681,522
Doanh thu khác	5,985,447,501	13,704,732,627
Cộng	358,554,927,926	572,776,500,098
Trừ		
Giảm giá hàng bán	-	(1,566,588,472)
Hàng bán bị trả lại	(3,193,005,077)	(2,907,636,621)
Cộng doanh thu thuần	355,361,922,849	568,302,275,005
2. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Năm trước
Lãi tiền gửi	151,713,867	62,626,765
Lãi chênh lệch tỷ giá	2,775,858,609	1,726,200,485
Thu nhập tài chính khác	5,217,343	237,799,707
Cộng	2,932,789,819	2,026,626,957
3. Chi phí hoạt động tài chính	Kỳ này	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng, chiết khấu	1,946,632,081	8,827,781,297
Chi phí lãi vay đối tượng khác	1,804,336,066	2,102,184,733
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,209,955,567	-
Cộng	4,960,923,714	10,929,966,030

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/9/2009***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

4. Thu nhập khác	Kỳ này	Năm trước
Thu từ bán phế liệu	160,237,182	-
Thu tiền hỗ trợ xúc tiến thương mại	65,640,000	-
Thu tiền bồi thường mất chứng từ	90,000,000	-
Phí bảo lãnh ngân hàng	60,000,000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	1,771,343,022
Các khoản cho thuê kho bãi, tiền phạt và các khoản khác ...	1,056,167,477	3,198,997,986
Cộng	1,432,044,659	4,970,341,008

5. Chi phí khác	Kỳ này	Năm trước
Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ	110,664,000	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	1,688,805,814
Khác	1,435,417	224,217,400
Cộng	112,099,417	1,913,023,214

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10,784,186,098	17,211,942,934
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8,000,000	7,979,910
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,348	2,157

VIII. Các thông tin khác**1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan**

Số dư các khoản công nợ đối với các Bên liên quan chủ yếu sau:

Nợ vay phải trả

Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Cổ đông sáng lập	14,737,297,180
Ông Lê Sơn Tùng - Phó Tổng Giám đốc Công ty	450,000,000
Cộng	15,187,297,180

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.


THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 26 tháng 10 năm 2009


NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc